TỈNH ỦY BÌNH THUẬN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Bình Thuận, ngày 19 tháng 4 năm 2022

KẾT QUẢ ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP - KHỐI KIẾN THỨC 1
Lớp Trung cấp LLCT - HC, hệ tập trung - Khoá 28 (Năm 2020), mở tại Trại giam Xuân Lộc
Ngày thi: Chiều ngày 08/4/2022

STT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số phách	Điểm		Ghi chú
							Bằng số	Bằng chữ	
1	1	Nguyễn Đức	Chính	28/10/1984	Thái Bình	31	7.5	Bảy rưỡi	
2	2	Lương Xuân	Định	26/12/1985	Thái Bình	46	7.5	Bảy rưỡi	
3	3	Lê Hữu Thanh	Hải	03/12/1979	Quảng Bình	56	7.0	Bảy	
4	4	Trần Minh	Hải	22/6/1988	Hà Tĩnh	40	7.0	Bảy	
5	5	Đinh Tiến	Hoàng	30/4/1984	Nghệ An	96	7.5	Bảy rưỡi	
6	6	Đinh Duy	Hùng	02/10/1986	Ninh Bình	57	7.5	Bảy rưỡi	
7	7	Trần Mạnh	Hùng	09/6/1980	Bình Dương	53	8.0	Tám	
8	8	Phan Thanh	Huy	20/10/1991	Hà Tĩnh	39	7.0	Bảy	
9	9	Hồ Phi	Lệnh	26/8/1992	Nghệ An	99	7.0	Bảy	
10	10	Biện Hồng	Minh	14/8/1983	Hà Tĩnh	42	7.0	Bảy	
11	11	Phạm Văn	Tuấn	12/7/1982	Nghệ An	47	7.0	Bảy	
12	12	Tạ Long	Thành	16/10/1988	Đồng Nai	36	8.0	Tám	
13	13	Lê Công	Thắng	23/11/1989	Thanh Hóa	61	7.5	Bảy rưỡi	
14	14	Nguyễn Quyết	Thắng	05/7/1984	Đồng Nai	41	7.0	Bảy	
15	15	Nguyễn Thành	Trung	30/8/1983	Nghệ An	38	7.5	Bảy rưỡi	
	16	Nguyễn Quang	Cần	11/10/1986	Nghệ An				*Vắng thi*
16	17	Nguyễn Cao	Cường	02/9/1982	Hà Tĩnh	58	7.0	Bảy	
17	18	Đặng Đình	Cường	02/02/1985	Nghệ An	32	7.0	Bảy	
18	19	Nguyễn Cảnh	Đức	03/4/1985	Nghệ An	35	7.5	Bảy rưỡi	
19	20	Nguyễn Văn	Đức	15/6/1988	Thanh Hóa	52	7.5	Bảy rưỡi	
20	21	Lê Quang	Huy	20/01/1987	Đồng Nai	97	6.5	Sáu rưỡi	
21	22	Vũ Lê	Hưng	05/7/1983	Nghệ An	50	7.0	Bảy	
22	23	Trần Văn	Phúc	10/8/1980	Hà Tĩnh	55	7.0	Bảy	
23	24	Nguyễn Đình	Phương	23/10/1985	Hà Tĩnh	59	7.5	Bảy rưỡi	
24	25	Trương Công	Quang	09/8/1988	Hà Tĩnh	98	8.0	Tám	
25	26	Đặng Mạnh	Quyết	31/8/1983	Vĩnh Phúc	48	7.5	Bảy rưỡi	
26	27	Bùi Văn	Tĩnh	12/7/1974	Nghệ An	54	8.0	Tám	
27	28	Thái Nguyễn	Thìn	07/10/1988	Nghệ An	37	7.5	Bảy rưỡi	
28	29	Giáp Lộc	Thọ	10/5/1988	Bắc Giang	44	7.5	Bảy rưỡi	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số phách	Điểm		Ghi chú
							Bằng số	Bằng chữ	
29	30	Trương Minh	Thuyết	12/6/1986	Nghệ An	33	7.5	Bảy rưỡi	
30	31	Nguyễn Thành	Trung	26/6/1987	Nghệ An	60	7.5	Bảy rưỡi	
31	32	Đàm Hà	Việt	14/12/1976	Phú Thọ	43	7.0	Bảy	
32	33	Hoàng Trọng	Sơn	06/10/1991	Hà Tĩnh	49	7.0	Bảy	
33	34	Lê Văn	Vân	01/02/1990	Thanh Hóa	34	7.5	Bảy rưỡi	
34	35	Phan Xuân	Công	16/7/1987	Nghệ An	45	7.0	Bảy	
35	36	Phạm Thế	An	07/11/1991	Hải Dương	71	7.5	Bảy rưỡi	
36	37	Phạm Ngọc	Dần	24/9/1986	Quảng Bình	82	7.5	Bảy rưỡi	
37	38	Trần Xuân	Đình	20/10/1984	Nghệ An	66	7.5	Bảy rưỡi	
38	39	Nguyễn Văn	Đông	24/02/1985	Hà Tĩnh	39	8.0	Tám	
39	40	Lê Văn	Hòa	04/9/1983	Thanh Hóa	69	8.0	Tám	
40	41	Trần Văn	Hoàng	30/7/1985	Thanh Hóa	70	7.5	Bảy rưỡi	
41	42	Nguyễn Văn	Hùng	08/01/1987	Thanh Hóa	92	7.5	Bảy rưỡi	
42	43	Bùi Việt	Hưng	19/6/1984	Hải Phòng	93	7.5	Bảy rưỡi	
43	44	Phạm Thọ	Khải	11/5/1992	Hải Dương	72	7.5	Bảy rưỡi	
44	45	Giáp Hoàng	Lộc	12/01/1985	Đồng Nai	64	8.0	Tám	
45	46	Nguyễn Văn	Lợi	12/12/1990	Hà Nam	75	6.5	Sáu rưỡi	
46	47	Lê Xuân	Lợi	20/5/1986	Thanh Hóa	73	7.5	Bảy rưỡi	
47	48	Phan Đăng	Phú	18/8/1991	Nghệ An	83	7.0	Bảy	
48	49	Phạm Xuân	Tăng	12/10/1988	Nghệ An	74	7.0	Bảy	
49	50	Nguyễn Khắc	Tiệp	01/9/1977	Hà Tĩnh	95	6.0	Sáu	
50	51	Lê Hoàng	Tính	01/7/1988	Cà Mau	67	8.0	Tám	
51	52	Trần Duy	Toản	23/11/1984	Thanh Hóa	91	8.0	Tám	
52	53	Nguyễn Công	Thái	10/8/1988	Nghệ An	81	7.5	Bảy rưỡi	
53	54	Nguyễn Văn	Cảnh	25/10/1980	Thái Bình	63	8.0	Tám	
54	55	Nguyễn Đình	Đông	01/9/1988	Thái Bình	85	7.5	Bảy rưỡi	
55	56	Hồ Bá	Đức	13/01/1988	Hà Tĩnh	77	8.0	Tám	
56	57	Dương Thanh	Hải	22/8/1981	Đồng Nai	65	7.5	Bảy rưỡi	
57	58	Nguyễn Duy	Khánh	28/12/1987	Bình Thuận	76	7.5	Bảy rưỡi	
58	59	Lê Quy	Nhơn	04/11/1987	Quảng Bình	90	8.0	Tám	
59	60	Ngô Văn	Tiến	07/3/1988	Thanh Hóa	78	7.5	Bảy rưỡi	
60	61	Võ Văn	Tiến	20/10/1986	Nghệ An	87	7.5	Bảy rưỡi	
61	62	Lê Anh	Tuấn	28/11/1983	Hà Tĩnh	88	8.0	Tám	
62	63	Nguyễn Hoàng	Tùng	15/5/1985	Đồng Nai	62	7.5	Bảy rưỡi	
63	64	Nguyễn Văn	Viết	23/8/1981	Hà Tĩnh	89	7.0	Bảy	
64	65	Nguyễn Thành	Vinh	01/12/1985	Ninh Bình	80	8.0	Tám	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số phách	Điểm		Ghi chú
							Bằng số	Bằng chữ	
65	66	Trần Quốc	Vũ	25/11/1988	Nghệ An	84	7.5	Bảy rưỡi	
66	67	Trần Công	Chiến	27/5/1988	Nam Định	79	7.0	Bảy	
67	68	Nguyễn Cao	Danh	27/7/1985	Đồng Nai	86	7.5	Bảy rưỡi	
68	69	Trần Thị Anh	Đào	17/7/1990	Quảng Bình	51	7.5	Bảy rưỡi	
69	70	Lại Thị Thu	Hà	12/3/1980	Nghệ An	68	7.0	Bảy	
70	71	Lư Quế	Cường	21/3/1970	Thái Nguyên	30	6.5	Sáu rưỡi	
71	72	Bùi Thị	Giang	05/02/1987	Thanh Hóa	10	8.5	Tám rưỡi	
72	73	Nguyễn Thị Thu	Hà	13/02/1990	Đồng Nai	06	7.5	Bảy rưỡi	
73	74	Nguyễn Văn	Hải	15/6/1987	Thanh Hóa	21	7.5	Bảy rưỡi	
74	75	Thái Thị	Hiên	07/8/1982	Hà Tĩnh	07	7.0	Bảy	
75	76	Trần Văn	Huyến	15/5/1984	Ninh Bình	29	6.5	Sáu rưỡi	
76	77	Nguyễn Ngọc	Hưng	22/02/1983	Nam Định	22	7.0	Bảy	
77	78	Đoàn Trung	Kiên	31/12/1990	Thanh Hóa	101	7.0	Bảy	
78	79	Lê Trung	Kiên	30/7/1988	Hà Tĩnh	103	7.5	Bảy rưỡi	
79	80	Hỏa Ngọc	Tiến	11/02/1989	Đồng Nai	02	7.5	Bảy rưỡi	
80	81	Lê Văn	Tiến	12/12/1993	Thanh Hóa	05	7.0	Bảy	
81	82	Phạm Thị	Anh	15/8/1974	Thanh Hóa	09	7.0	Bảy	
82	83	Nguyễn Văn	Chiến	10/02/1977	Hà Nội	13	8.0	Tám	
83	84	Nguyễn Đức	Ngạn	01/4/1975	Hải Dương	26	7.0	Bảy	
84	85	Vũ Văn	Khiếu	25/12/1974	Nam Định	24	7.5	Bảy rưỡi	
85	86	Vũ Văn	Lăng	28/11/1975	Thái Bình	18	6.5	Sáu rưỡi	
86	87	Nguyễn Đức	Quế	14/10/1974	Thanh Hóa	104	7.5	Bảy rưỡi	
87	88	Lê Thế	Ứng	06/02/1975	Thanh Hóa	27	7.0	Bảy	
88	89	Phan Văn	Tấn	20/11/1975	Thái Bình	11	8.0	Tám	
89	90	Trần Tất	Huy	22/10/1976	Hưng Yên	03	7.5	Bảy rưỡi	
90	91	Phạm Viết	Hải	13/5/1985	Nghệ An	14	7.0	Bảy	
91	92	Trần Thị	Hạnh	20/10/1986	Bình Định	19	7.0	Bảy	
92	93	Nguyễn Song	Hào	02/02/1983	Hà Tĩnh	15	7.0	Bảy	
93	94	Nguyễn Văn	Hiền	10/4/1986	Đồng Tháp	25	7.0	Bảy	
94	95	Bùi Thị Huyền	My	10/3/1993	Đồng Nai	17	7.0	Bảy	
95	96	Mai Văn	Ngọc	03/02/1987	Ninh Bình	08	7.0	Bảy	
96	97	Tô Bá	Ngọc	30/6/1991	Nghệ An	12	7.5	Bảy rưỡi	
97	98	Trần Thành	Nhơn	10/02/1981	Hà Tĩnh	23	7.0	Bảy	
98	99	Lâm Thụy Khánh	Như	11/9/1981	Đồng Nai	102	8.0	Tám	
99	100	Trần Văn	Toán	01/6/1986	Nghệ An	04	7.5	Bảy rưỡi	
100	101	Vũ Thị Kim	Thúy	10/8/1974	Nam Định	16	7.5	Bảy rưỡi	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Số phách	Điểm		Ghi chú
							Bằng số	Bằng chữ	
101	102	Hoàng Thị	Trang	10/10/1989	Nghệ An	20	7.5	Bảy rưỡi	
102	103	Nguyễn Thị Hồng	Vân	08/10/1992	Đồng Nai	01	8.0	Tám	
103	104	Nguyễn Quốc	Vũ	12/7/1987	Quảng Trị	28	6.5	Sáu rưỡi	
104	105	Lê Thị Ngọc	Ánh	15/6/1992	Đồng Nai	100	8.5	Tám rưỡi	
105	106	Hoàng Quốc	Huy	19/9/1988	Đồng Nai	105	7.0	Bảy	

Tổng số: 105 bài.

Trong đó:

* Điểm 8,5: 02 bài.
* Điểm 8,0: 18 bài.
* Điểm 7,5: 44 bài.
* Điểm 7,0: 34 bài.
* Điểm 6,5: 06 bài.
* Điểm 6,0: 01 bài.

Tỷ lệ:

Giỏi: 20 bài. (tỷ lệ: 19.05 %)

Khá: 78 bài. (tỷ lệ: 74.28 %)

Trung bình: 07 bài. (tỷ lệ: 6.67 %)

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Phạm Thị Hoài

TRƯỞNG KHOA LÝ LUẬN CƠ SỞ

Nguyễn Lương Luyện

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT VÀ NCKH

Nguyễn Thị Như Yến

T/M HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH

BẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TỈNH ỦY BÌNH THUẬN

HIỆU TRƯỞNG

Dụng Văn Duy